

CHỦ ĐỀ 9: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA LUẬT QUỐC TẾ

BÀI 14: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm, vai trò, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia.
- Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản liên quan tới các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

- + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật.
- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến pháp luật.

- Năng lực riêng:

Điều chỉnh hành vi: Đồng tình, ủng hộ những hành vi phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; phê phán những hành vi vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.

3. Phẩm chất

Có trách nhiệm trong việc đánh giá hành vi vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế, đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 12.
- Tranh ảnh, clip và các mẫu chuyện liên quan tới bài học.
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giới thiệu ý nghĩa của bài học; khai thác trải nghiệm, vốn sống và hiểu biết ban đầu của HS về pháp luật quốc tế để dẫn dắt vào bài học mới..

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS xem video <https://www.youtube.com/watch?v=WfJPZPZXDE> để trả lời câu hỏi:

Video nêu lên vấn đề gì?

c. Sản phẩm học tập: Chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV gọi một vài HS chia sẻ: *Video nêu lên vấn đề gì?*
- HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo cá nhân, ghi câu trả lời ra giấy/phiếu học tập.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện HS trả lời trước lớp:
- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt HS vào bài học: Việt Nam thực thi đầy đủ, có trách nhiệm các quy định UNCLOS (Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển). Công ước này có nhiều quốc gia tham gia, đây là quy định bắt buộc mang tính quốc tế. Vậy Luật quốc tế là gì, có những vấn đề nào, bài học này sẽ giúp các em hiểu rõ. **Bài 14 : Một số vấn đề chung về luật quốc tế.**

B. HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm và vai trò của pháp luật quốc tế

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm pháp luật quốc tế.

b. Nội dung:

- GV tổ chức trò chơi : Dân hỏi, bộ trưởng trả lời

c. Sản phẩm học tập: HS nêu và ghi được bài vào vở khái niệm pháp luật quốc tế.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: tìm hiểu khái niệm và vai trò của pháp luật quốc tế - Giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi “Dân hỏi, bộ trưởng trả lời” Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc tài liệu; đọc thông tin; xử lý tình huống của mục 1. (Gợi ý: Đọc các thông tin sách giáo khoa trang 102, 103 để chuẩn bị nội dung khái niệm và vai trò của pháp luật quốc tế) + Thời gian thảo luận: 3 phút Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập	1. Khái niệm và vai trò của pháp luật quốc tế a. Khái niệm pháp luật quốc tế (Sơ đồ 1) b. Vai trò của pháp luật quốc tế (Sơ đồ 2)

- Bầu bộ trưởng và người dân (sử dụng vòng quay may mắn hoặc thẻ tên).

- Cứ 1 bộ trưởng sẽ có 3 người dân để hỏi.

Dự kiến sản phẩm :

1/ Pháp luật quốc tế được ban hành bởi chủ thể chủ yếu là các quốc gia, ngoài ra còn có các chủ thể khác như các tổ chức quốc tế liên quốc gia hay còn gọi là tổ chức quốc tế liên chính phủ (ví dụ: Tổ chức Thương mại Thế giới, Tổ chức Y tế Thế giới,...) và các dân tộc đang đấu tranh giành độc lập (ví dụ: Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Mặt trận Nhân dân Giải phóng Palestine,...).

Pháp luật quốc tế được ban hành theo cách thức là các chủ thể của luật quốc tế thoả thuận với nhau trên cơ sở bình đẳng và tự nguyện để xây dựng nên.

2/ Pháp luật quốc tế được có thể được thể hiện ở các văn bản pháp luật như: Hiến chương của Liên hợp quốc, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển,...

3/ Pháp luật quốc tế gồm những bộ phận hay những yếu tố là: các nguyên tắc và các quy phạm pháp luật quốc tế.

4/ Pháp luật quốc tế là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật được các quốc gia và chủ thể khác của luật quốc tế thoả thuận xây dựng nên trên cơ sở sự bình đẳng và tự nguyện để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các quốc gia và các chủ thể đó trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Mỗi bộ trưởng sẽ có 10 điểm, phải trả lời 3 câu hỏi.

Mỗi câu trả lời sai sẽ bị trừ 3 điểm.

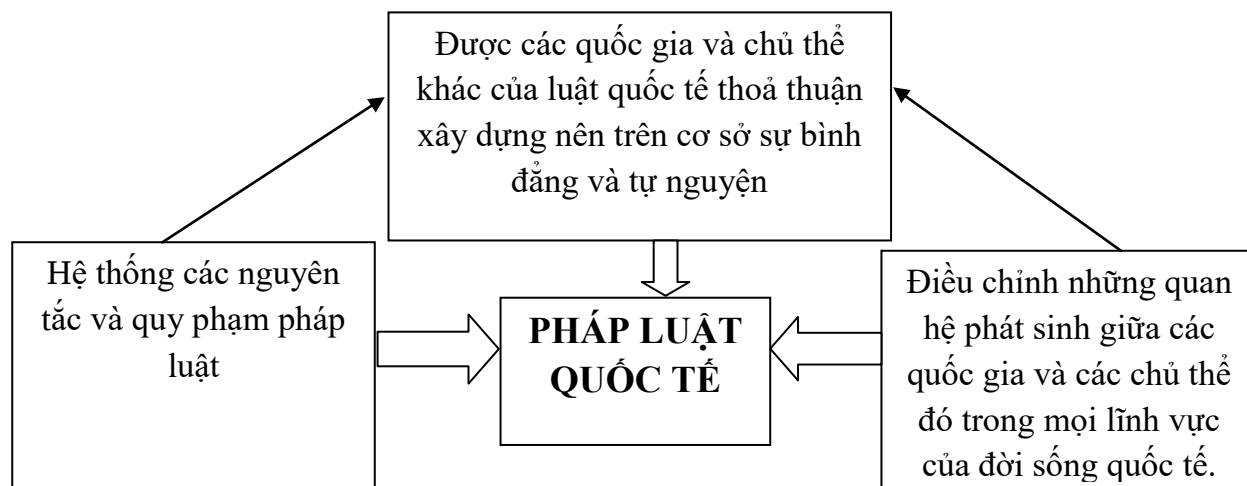
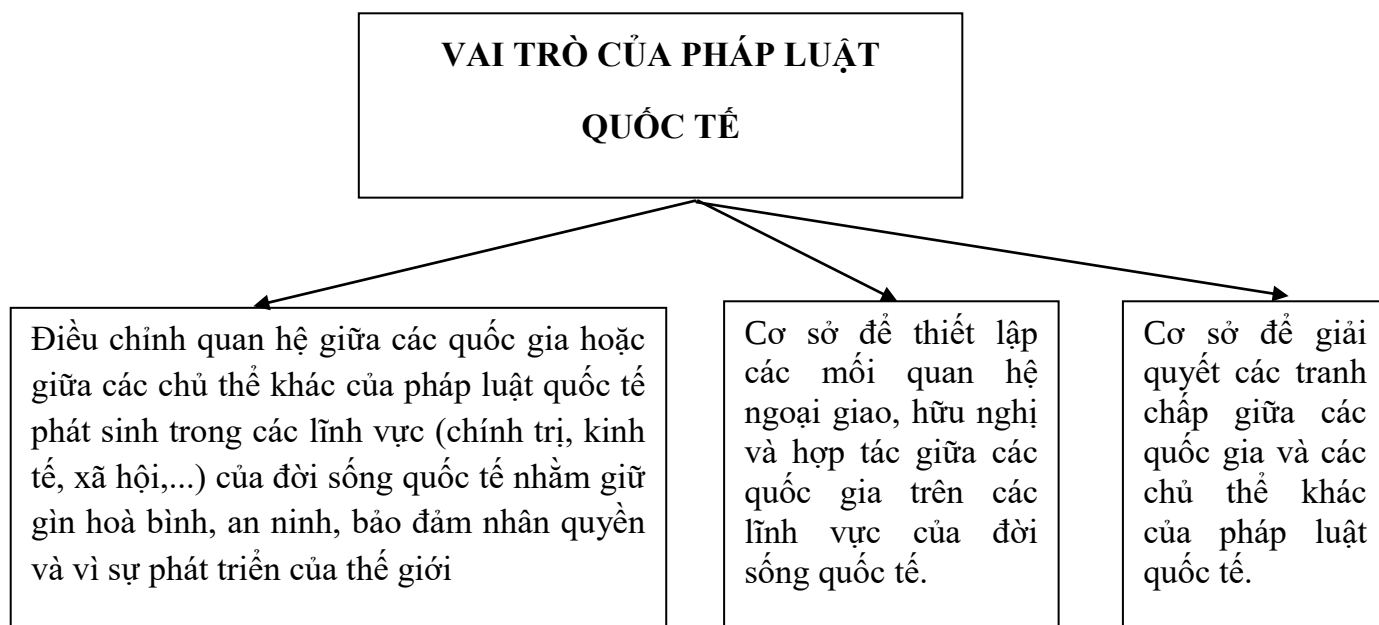
- Mỗi người dân được hỏi 1 câu, nếu bộ trưởng không trả lời được thì số điểm sẽ thuộc về người hỏi.

- Nội dung hỏi nằm trong phần 1.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, đưa thêm các dẫn chứng cụ thể, chuyển sang nội dung mới.

https://youtu.be/mbyEeScTRVo?si=prLDHnOez_eIY

SƠ ĐỒ 1**SƠ ĐỒ 2****Hoạt động 2: Tìm hiểu các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế**

- a. Mục tiêu:** HS nêu được các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế, phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.
- b. Nội dung:** GV chia nhóm, phân công nội dung cho từng nhóm (chuẩn bị ở nhà)
- c. Sản phẩm học tập:** HS nêu và ghi được bài vào vở các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.
- d. Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
----------------------	------------------

Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập – GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/theo nhóm, đọc thông tin trong SGK để trả lời các câu hỏi sau: - GV chia lớp thành 2 cụm, 6 nhóm - Nhóm 1,4 :Tìm hiểu về nội dung nguyên tắc 1 và nguyên tắc 2? Lấy ví dụ? - Nhóm 2,5 :Tìm hiểu về nội dung nguyên tắc 3, nguyên tắc 4? Phân tích nguyên tắc này được thể hiện trong thông tin 1,2 như thế nào? - Nhóm 3,6 : Tìm hiểu về nội dung <i>nguyên tắc 5,6,7?</i> Các nguyên tắc này được thể hiện trong thông tin 1, và 2 như thế nào? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo nhóm, thảo luận về các nội dung được giáo, viết ra giấy A4. - Yêu cầu HS đếm số thứ tự của mình trong nhóm - Thời gian 2 phút Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV phân lại nhóm + Tại cụm 1 : tất cả HS có STT 1,2 thì vào nhóm 1, HS có STT 3,4 vào nhóm 2, HS có STT 5,6 vào nhóm 3 + Tại cụm 2 (tương tự cụm 1) + Việc chia nhóm có sơ đồ kèm theo ở powerpoint - GV quay số hoặc sử dụng thẻ tên để mời bất cứ HS nào trình bày. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. 1/ Việc các quốc gia tham gia thành lập, xin gia nhập và rút khỏi EU phù hợp với những nguyên tắc cơ bản sau: Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác, nguyên tắc quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc và nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia. Bởi vì: Các quốc gia tham gia đàm phán để thành lập và xin gia nhập EU là phù hợp với các nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác, nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia vì các quốc gia tham gia liên minh để hợp tác với nhau cùng phát triển, các quốc gia thành viên của liên minh đều bình đẳng	2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế - Nguyên tắc cấm dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế. - Nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình. - Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác. - Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác. - Nguyên tắc quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc. - Nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia. - Nguyên tắc tận tâm, thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế.
--	--

về chủ quyền với nhau, mỗi quốc gia đều có quyền quyết định tham gia hay không tham gia vào liên minh này trên cơ sở quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc. Việc nước Anh xin rút khỏi EU là phù hợp với nguyên tắc quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc. 2/ Hành vi thực hiện chính sách cấm vận kinh tế, thương mại và tài chính do Mỹ áp đặt đối với Cuba là sự vi phạm nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác và nguyên tắc quyền bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia. Bởi vì, với lệnh cấm vận của Mỹ, các doanh nghiệp của Mỹ và nhiều nước khác không thể thiết lập quan hệ thương mại, xuất nhập khẩu hàng hóa đối với Cuba, gây khó khăn cho việc phát triển kinh tế và đời sống của nhân dân Cuba. – GV chốt nội dung kiến thức như trong SGK, xem video minh họa https://youtu.be/eQmfgKYrS3o?si=BLRFH1ZK4BGzLgAO	
---	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia

- a. Mục tiêu:** HS hiểu được mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia
- b. Nội dung:** HS tham gia trò chơi « nhà hùng biện tài ba »
- c. Sản phẩm học tập:** HS hùng biện và rút ra được mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và PL quốc gia.
- d. Tổ chức hoạt động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV phân công mỗi tổ thành 1 đội hùng biện Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Mỗi nhóm 1 bài hùng biện với nội dung: mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. - Yêu cầu: đủ nội dung, có dẫn chứng Tiêu chí chấm điểm: - Quy định đúng thời gian 3 phút: + 10 điểm - Đầy đủ nội dung: + 10 điểm - Đặt câu hỏi tình huống và trả lời xuất sắc câu hỏi	3. Mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia

của đội bạn: (5 – 5): 10 điểm

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV công bố lại tiêu chí chấm điểm
- HS các đội bốc thăm để lên trình bày nội dung của đội mình và đặt câu hỏi cho đội khác.
- GV yêu cầu các đội khác trả lời của đội bạn (trả lời theo hình thức ưu tiên xoay vòng giữa các đội).
- Đội nào đặt câu hỏi thì nhận xét phần trả lời của đội bạn.

Tiến hành bình chọn

- GV phát phiếu chấm THANG ĐIỂM CHO CÁC ĐỘI, các đội sẽ có 2 phút để hội ý và chấm điểm.

Lưu ý: Không chấm điểm cho đội của mình, cột của đội mình bỏ trống để đảm bảo tính khách quan.

- GV cũng chấm điểm cho các đội.
- Cách tính điểm: cộng phần chấm điểm của 3 đội với phần chấm điểm của GV sau đó chia đôi số điểm.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt kiến thức và định hướng cho HS kiến thức liên quan đến Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về nộp thuế, hậu quả của hành vi trốn thuế, vai trò của thuế.
- GV cộng điểm cho 3 đội thực hiện xuất sắc.
- + Đội xuất sắc thứ nhất: + 3 điểm
- + Đội xuất sắc thứ hai: + 2 điểm
- + Đội xuất sắc thứ ba: + 1 điểm

- Pháp luật quốc tế là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện quy định của luật quốc gia, bảo đảm cho luật quốc gia phù hợp với yêu cầu của pháp luật quốc tế.

- Luật quốc gia tạo cơ sở cho sự hình thành và góp phần thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế. Quy định trong các đạo luật của quốc gia phải phù hợp, không được trái với quy định của pháp luật quốc tế.

THANG CHẤM ĐIỂM

Tiêu chí chấm	Đội 1	Đội 2	Đội 3	Đội 4
Đúng thời gian (3 phút):				
+ 10 điểm				

Đầu đủ nội dung : + 10 điểm				
- Đặt câu hỏi tình huống và trả lời xuất sắc: +10 điểm				
Tổng				

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Giúp học nắm vững được nội dung bài học, vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng giải quyết 1 số tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: Học sinh trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi do giáo viên đưa ra, làm câu hỏi SGK.

c) Sản phẩm: HS đưa ra đáp án, dựa trên sự hiểu biết của bản thân và kiến thức vừa học

d) Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò chơi, hướng dẫn học sinh làm bài tập

I. TRẮC NGHIỆM NHANH

Câu 1. Nhận định nào dưới đây là đúng khi nói về vai trò của pháp luật quốc tế?

A. Điều chỉnh luật pháp trong một quốc gia cụ thể.

B. Thúc đẩy sự đoàn kết và hợp tác giữa các quốc gia.

C. Quyết định vấn đề nội bộ của mỗi quốc gia.

D. Tạo ra sự đối đầu và xung đột giữa các quốc gia.

Câu 2. Pháp luật quốc tế được phát triển thông qua

A. quyết định của một quốc gia duy nhất.

B. hiệp định và thỏa thuận giữa các quốc gia.

C. sự can thiệp của các tổ chức kinh tế quốc tế.

D. sự chứng kiến của một tổ chức phi chính phủ.

Câu 3. Pháp luật quốc tế được xây dựng trên cơ sở

A. bình đẳng và tự nguyện.

B. ý kiến của nước lớn.

C. mâu thuẫn và xung đột.

D. sự phát triển kinh tế.

Câu 4. Điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia nhằm giữ gìn hoà bình, an ninh và vì sự phát triển của thế giới thuộc nội dung nào dưới đây của pháp luật quốc tế?

A. Vai trò.

B. Nguyên tắc.

C. Tiêu chuẩn.

D. Khái niệm.

Câu 5. Một trong những vai trò cơ bản của pháp luật quốc tế là cơ sở

A. đảm bảo dân chủ trên thế giới.

B. thúc đẩy công bằng trên thế giới.

C. quyết định vấn đề nội bộ của mỗi quốc gia.

D. giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia.

Câu 6. Cơ sở pháp lý quan trọng nhất để thiết lập và phát triển các quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế là

A. thoả thuận quốc tế.

B. hiệp định quốc tế.

C. công ước quốc tế.

D. pháp luật quốc tế.

Câu 7. Nội dung nào dưới đây **không** phải là nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế?

A. Bình đẳng về chủ quyền các quốc gia.

B. Giải quyết tranh chấp bằng sử dụng quyền lực.

C. Hợp tác thiện chí với các quốc gia khác.

D. Tận tâm thực hiện các cam kết quốc tế.

Câu 8. Văn bản pháp luật quốc tế do các quốc gia và chủ thể khác của pháp luật quốc tế thoả thuận xây dựng nên nhằm điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia và các chủ thể đó là

A. điều ước quốc tế.

B. hiệp định quốc tế.

C. thoả thuận quốc tế.

D. công ước quốc tế.

Câu 9. Một trong những cơ sở quan trọng nhất để duy trì hoà bình và an ninh quốc tế là

A. diễn đàn quốc tế.

B. tranh chấp quốc tế.

C. pháp luật quốc tế.

D. định ước quốc tế.

Câu 10. Thúc đẩy sự hợp tác giữa các quốc gia để đảm bảo nhân quyền và sự phát triển chung của thế giới thuộc nội dung nào dưới đây của pháp luật quốc tế?

A. Khái niệm.

B. Nguyên tắc.

C. Tiêu chuẩn.

D. Vai trò.

II. BÀI TẬP SGK

Câu 1: Em hãy cho biết nhận định nào dưới đây phù hợp với khái niệm pháp luật quốc tế. Vì sao?

a. Pháp luật quốc tế là hệ thống các quy phạm pháp luật được các quốc gia thoả thuận xây dựng nên trên cơ sở sự bình đẳng và tự nguyện để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các quốc gia trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế.

b. Pháp luật quốc tế là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật được các quốc gia và chủ thể khác của luật quốc tế thoả thuận xây dựng nên trên cơ sở sự bình đẳng và tự nguyện để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các quốc gia và các chủ thể đó trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế.

Gợi ý: Nhận định b phù hợp, vì: Pháp luật quốc tế là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật được các quốc gia và chủ thể khác của luật quốc tế thoả thuận xây dựng nên trên cơ sở sự bình đẳng và tự nguyện để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các quốc gia và các chủ thể đó trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế.

Câu 2: Em hãy phân tích vai trò của pháp luật quốc tế được thể hiện qua thông tin dưới đây.

Thông tin. Công ước Viên năm 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế (CISG) quy định hình thức của hợp đồng mua bán có thể bằng văn bản hoặc telex hoặc điện tín. Phù hợp với quy định này, Luật Thương mại năm 2005 của nước ta quy định: “Mua bán hàng hoá quốc tế phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương” (khoản 2 Điều 27). Dựa vào các quy định của hai văn bản trên, Công ty A của Việt Nam đã kí hợp đồng mua bán gạo bằng văn bản với Công ty B của Philipines.

Gợi ý: Thông tin trên thể hiện vai trò của pháp luật quốc tế trong việc điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia phát sinh trong lĩnh vực kinh tế và là cơ sở để thiết lập mối quan hệ hợp tác giữa các quốc gia trong lĩnh vực kinh tế vì sự phát triển của thế giới.

Câu 3: Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

a. Sau hàng chục năm có xung đột vũ trang với nhau, Việt Nam và Mỹ đã đàm phán, thoả thuận với nhau kí kết Hiệp định Pari năm 1973 để chấm dứt chiến tranh Việt Nam.

Việc kí kết Hiệp định Pari năm 1973 giữa Việt Nam và Mỹ là phù hợp với nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế? Vì sao?

b. Do tranh chấp lãnh thổ nên xung đột vũ trang đã nổ ra giữa hai nước N và nước U. Sau khi nổ ra vụ xung đột này, Liên hợp quốc đã thông qua nghị quyết kêu gọi chấm dứt xung đột giữa hai nước và nhấn mạnh sự cần thiết phải tuân thủ pháp luật quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc, nhất là các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế.

1/ Em hãy cho biết, trong cuộc xung đột vũ trang giữa hai nước N và U, những nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế đã bị vi phạm? Vì sao?

2/ Để chấm dứt cuộc xung đột này, hai nước N và U cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế?

Gợi ý

- **Trường hợp a.** Việc kí kết Hiệp định Pari năm 1973 giữa Việt Nam và Mỹ là phù hợp với nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình, bởi vì, đó là kết quả của quá trình đàm phán, thương lượng lâu dài giữa các bên tham chiến và dẫn đến việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

- Trường hợp b.

+ Cuộc xung đột vũ trang giữa hai nước N và U là sự vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế là: nguyên tắc cấm dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực trong các quan hệ quốc tế, nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình. Bởi vì, khi xung đột vũ trang hay chiến tranh xảy ra giữa hai nước này tức là hai nước đã dùng vũ lực mà không dùng biện pháp hoà bình để giải quyết tranh chấp với nhau.

+ Để chấm dứt cuộc xung đột này, hai nước N và U cần tuân thủ: Nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình, nguyên tắc quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc, nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia.

Câu 4: Em hãy phân tích mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia được thể hiện qua thông tin dưới đây.

Thông tin. Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 18-12-1979. Việt Nam đã kí tham gia Công ước này vào ngày 29-7-1980 và phê chuẩn vào ngày 27-11-1981. Sau đó, Quốc hội đã ban hành Luật Bình đẳng giới năm 2006 và Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2007 để nội luật hoá một số điều khoản nhằm thực hiện Công ước ở Việt Nam. Điều 3 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định: “Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó”.

Gợi ý:

- Pháp luật quốc tế là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện quy định của luật quốc gia, bảo đảm cho luật quốc gia phù hợp với yêu cầu của pháp luật quốc tế. Cụ thể, các quy định trong Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) là cơ sở để xây dựng các quy định trong Luật Bình đẳng giới của nước ta, qua đó góp phần làm cho pháp luật Việt Nam hoàn thiện hơn và bảo đảm cho luật của nước ta phù hợp với yêu cầu của pháp luật quốc tế.

- Luật quốc gia góp phần thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế vì việc nội luật hoá các quy định của Công ước CEDAW trong Luật Bình đẳng giới của Việt Nam góp phần mở rộng phạm vi điều chỉnh, tác động ảnh hưởng của Công ước CEDAW, từ đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh tiến hành làm bài tập trắc nghiệm thông qua trò chơi, chú ý vận dụng các kiến thức đã học trả lời, cũng như thời gian quy định do giáo viên đặt ra
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- Giáo viên có thể gọi mỗi học sinh trả lời một câu, hoặc nhiều học sinh cùng lên trình bày kết quả để có cơ sở so sánh và đối chiếu cũng như đánh giá mức độ nhận thức chung của các học sinh với bài học
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- Giáo viên đưa ra các kết quả chính xác nhất, nhận xét, đối chiếu và so sánh kết quả của cả lớp để từ đó có căn cứ điều chỉnh nội dung dạy học
- Gv cho điểm với hs trả lời nhanh nhất và đúng nhất.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc nhóm phân Vận dụng SGK tr. 110 và thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập : Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức hoạt động:

- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS:

Em hãy cùng các bạn trong nhóm tìm hiểu về việc Việt Nam tham gia kí kết hay gia nhập một điều ước quốc tế hoặc kí kết điều ước quốc tế để thiết lập quan hệ với quốc gia khác và chia sẻ ý nghĩa của việc làm đó.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS liên hệ thực tiễn, liên hệ bản thân và sưu tầm tư liệu để thực nhiệm vụ học tập.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm bài ở nhà và trình bày vào giờ học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.